SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẠC LIÊU
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

THỜI KHÓA BIỂU HKII NĂM HỌC 2018-2019 *(Buổi sáng)*

(Áp dụng từ ngày 11/2/2019)

		6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	8.3	9.1	9.2	9.3	10T	10L	10H	10S
Thứ 2	1	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO
	2	Cong nghe(LAN)	Toan(VINH)	Dia ly(THANH)	Sinh hoc(SI)	Ngu van(HANH)	Toan(GIANG)	Ngu van(THU)	Tieng anh(LINH)	Tin hoc(LUOM)	Ngu van(V.HOA)	Ngu van(NHU)	Toan(MAN)	Tieng anh(H.OANH)	Vat ly(L.PHI)	Toan(TUE)	Lich su(LAM)
	3	Dia ly(THANH)	Cong nghe(LAN)	Toan(VINH)	GDCD(N.QUYEN)	Ngu van(HANH)	Toan(GIANG)	Ngu van(THU)	Tieng anh(LINH)	Toan(HOA)	Ngu van(V.HOA)	Ngu van(NHU)	Toan(MAN)	Ngu van(N.HANG)	Ly Tc(L.PHI)	Toan Tc(TUE)	Lich su(LAM)
	4	Toan(GIANG)	Sinh hoc(TRANG)	Ngu van(N.HANG)	Ngu van(T.HUONG)	Toan(DIEM)	Ngu van(THU)	Tieng anh(LINH)	Cong nghe(MIEN)	Toan(HOA)	Toan(TRUNG)	Toan(MAN)	Ngu van(HANH)	Lich su(LAM)	Tieng anh(L.DAN)	Vat ly(L.PHI)	Sinh hoc(SI)
	5	Toan(GIANG)	Dia ly(THANH)	Sinh hoc(TRANG)	Ngu van(T.HUONG)	Toan(DIEM)	Ngu van(THU)	Dia ly(NHIEN)	Tin hoc(LUOM)	Tieng anh(LINH)	Toan(TRUNG)	Toan(MAN)	Dia ly(LIEU)	Lich su(LAM)	Tieng anh(L.DAN)	Hoa Tc(NU)	Ngu van(H.MINH)
Thứ 3	1	TD(MINH)	Sinh hoc(TRANG)	Ngu van(N.HANG)	TD(TIEN)	Tin hoc(QUYEN)	My thuat(KIEU)	Dia ly(NHIEN)	Ngu van(HANH)	Ngu van(THU)	TD(DINH)	Sinh hoc(THUY)	GDCD(DAN)	GDQP(MAI)	Cong nghe(HOANG)	Ngu van(NHI)	Hoa hoc(CHI)
	2	Tin hoc(QUYEN)	TD(MINH)	Ngu van(N.HANG)	Sinh hoc(SI)	TD(TIEN)	Lich su(DIEU)	Ngu van(THU)	Ngu van(HANH)	Tin hoc(LUOM)	Ngu van(V.HOA)	TD(DINH)	Dia ly(LIEU)	Sinh hoc(PHUC)	GDQP(MAI)	Hoa Tc(NANG)	TD(DAT)
	3	Tieng anh(NGUYET)	Tin hoc(QUYEN)	TD(MINH)	My thuat(KIEU)	Dia ly(NHIEN)	TD(TIEN)	Cong nghe(MIEN)	Tin hoc(LUOM)	Dia ly(THANH)	Lich su(DIEU)	Cong nghe(HIEU)	TD(DINH)	Vat ly(DIEP)	Vat ly(HANG)	GDQP(MAI)	Ngu van(H.MINH)
	4	Ngu van(V.HOA)	Ngu van(NGAN)	GDCD(DAN)	Tin hoc(QUYEN)	My thuat(KIEU)	Ngu van(THU)	Tin hoc(LUOM)	GDCD(N.QUYEN)	Cong nghe(MIEN)	Cong nghe(HIEU)	Lich su(DIEU)	Hoa hoc(NU)	Cong nghe(HOANG)	Sinh hoc(H.TU)	Dia ly(THANH)	Sinh hoc(SI)
	5	Ngu van(V.HOA)	Ngu van(NGAN)	Tin hoc(QUYEN)	Dia ly(NHIEN)	Ngu van(HANH)	Ngu van(THU)	Sinh hoc(H.TU)	Dia ly(THANH)	Cong nghe(MIEN)	Dia ly(LIEU)	Hoa hoc(NU)	Cong nghe(HIEU)	Toan(TRINH)	Lich su(LAM)		Sinh Tc(THUY)
Thứ 4	1	Cong nghe(LAN)	Toan(VINH)	Am nhac(P.OANH)	Tieng anh(D.TUNG)	Cong nghe(P.LINH)	Tieng anh(CHAM)	TD(TIEN)	Tieng anh(LINH)	Toan(HOA)	Sinh hoc(THUY)	Dia ly(LIEU)	Tin hoc(TIN)	GDCD(DAN)	Ngu van(T.HUONG)	Cong nghe(HOANG)	GDQP(MAI)
	2	Am nhac(P.OANH)	Toan(VINH)	Cong nghe(LAN)	Tieng anh(D.TUNG)	Vat ly(L.HOA)	Tieng anh(CHAM)	Hoa hoc(THAI)	TD(TIEN)	Toan(HOA)	Vat ly(H.NHUNG)	Sinh hoc(THUY)	Lich su(DIEU)	Dia ly(LIEU)	Lich su(LAM)	GDCD(DAN)	Cong nghe(HOANG)
	3	My thuat(N.DIEM)	Cong nghe(LAN)	Toan(VINH)	Tin hoc(QUYEN)	Sinh hoc(SI)	Cong nghe(P.LINH)	Tin hoc(LUOM)	Sinh hoc(H.TU)	TD(TIEN)	Tin hoc(TIN)	Hoa hoc(NU)	Vat ly(H.NHUNG)	Hoa hoc(THAI)	Ly Tc(L.PHI)	Lich su(LAM)	Sinh hoc(THUY)
	4	Toan(GIANG)	Lich su(NGOAN)	Toan(VINH)	Cong nghe(P.LINH)	Dia ly(NHIEN)	Tin hoc(QUYEN)	Tieng anh(LINH)	My thuat(N.DIEM)	Am nhac(P.OANH)	Dia ly(LIEU)	Tin hoc(TIN)	Hoa hoc(NU)	Toan(TRINH)	GDCD(DAN)	Ngu van(NHI)	Dia ly(THANH)
	5	Toan(GIANG)	Tin hoc(QUYEN)	My thuat(N.DIEM)	Am nhac(P.OANH)	Lich su(DIEU)	Dia ly(NHIEN)	Tieng anh(LINH)	Hoa hoc(THAI)	Lich su(NGOAN)	Hoa hoc(NU)	GDCD(DAN)	Sinh hoc(THUY)	Toan(TRINH)	Cong nghe(HOANG)	Ngu van(NHI)	Tieng anh(TU)
Thứ 5	1	Ngu van(V.HOA)	Am nhac(P.OANH)	TD(MINH)	Toan(DIEM)	Tin hoc(QUYEN)	TD(TIEN)	Toan(HOA)	Ngu van(HANH)	Hoa hoc(THAI)	Cong nghe(HIEU)	Tieng anh(LINH)	TD(DINH)	Ngu van(N.HANG)	Ngu van(T.HUONG)	Lich su(LAM)	Toan(GIANG)
	2	Ngu van(V.HOA)	TD(MINH)	Tieng anh(B.HANG)	Toan(DIEM)	TD(TIEN)	Tin hoc(QUYEN)	Toan(HOA)	Cong nghe(MIEN)	Dia ly(THANH)	TD(DINH)	Cong nghe(HIEU)	Ngu van(HANH)	Ngu van(N.HANG)	Ngu van(T.HUONG)	Tieng anh(D.TUNG)	Toan(GIANG)
	3	TD(MINH)	Tieng anh(NGUYET)	Tieng anh(B.HANG)	TD(TIEN)	Toan(DIEM)	GDCD(N.QUYEN)	Hoa hoc(THAI)	Lich su(NGOAN)	Ngu van(THU)	Tin hoc(TIN)	TD(DINH)	Ngu van(HANH)	Toan Tc(TRINH)	Hoa hoc(CHI)	Tieng anh(D.TUNG)	TD(DAT)
	4	Tin hoc(QUYEN)	Ngu van(NGAN)	Lich su(NGOAN)	Ngu van(T.HUONG)	Ngu van(HANH)	Sinh hoc(SI)	Vat ly(HIEU)	Dia ly(THANH)	Ngu van(THU)	Toan(TRUNG)	Ngu van(NHU)	Tieng anh(B.HANG)	Toan Tc(TRINH)	Hoa hoc(CHI)	Toan(TUE)	Vat ly(MIEN)
	5	Sinh hoc(TRANG)	Ngu van(NGAN)	Tin hoc(QUYEN)	Ngu van(T.HUONG)	GDCD(N.QUYEN)	Sinh hoc(SI)	Ngu van(THU)	Vat ly(HIEU)	Sinh hoc(H.TU)	Toan(TRUNG)	Tin hoc(TIN)	Tieng anh(B.HANG)	Vat ly(DIEP)	Vat ly(HANG)	Toan(TUE)	Vat ly(MIEN)
Thứ 6	1	Toan(GIANG)	GDCD(DAN)	Cong nghe(LAN)	Toan(DIEM)	Tieng anh(D.TUNG)	Lich su(DIEU)	Sinh hoc(H.TU)	Am nhac(P.OANH)	TD(TIEN)	Tieng anh(B.HANG)	Vat ly(HIEU)	Sinh hoc(THUY)	Tieng anh(H.OANH)	Vat ly(HANG)	Hoa hoc(NU)	Tieng anh(TU)
	2	GDCD(DAN)	Vat ly(H.NHUNG)	Toan(VINH)	Cong nghe(P.LINH)	Tieng anh(D.TUNG)	Toan(GIANG)	Am nhac(P.OANH)	TD(TIEN)	Tieng anh(LINH)	Tieng anh(B.HANG)	Toan(MAN)	Cong nghe(HIEU)	Tieng anh(H.OANH)	Ly Tc(HANG)	Hoa Tc(NU)	Tieng anh(TU)
	3	Vat ly(H.NHUNG)	Tieng anh(NGUYET)	Toan(VINH)	Vat ly(L.HOA)	Cong nghe(P.LINH)	Toan(GIANG)	TD(TIEN)	Sinh hoc(H.TU)	Tieng anh(LINH)	Hoa hoc(NU)	Toan(MAN)	Tieng anh(B.HANG)	Toan(TUAN)	Dia ly(THANH)	Tieng anh(D.TUNG)	Cong nghe(HOANG)
	4	Tieng anh(NGUYET)	Toan(VINH)	Ngu van(N.HANG)	Tieng anh(D.TUNG)	Am nhac(P.OANH)	Cong nghe(P.LINH)	GDCD(N.QUYEN)	Toan(HOA)	Sinh hoc(H.TU)	GDCD(DAN)	Tieng anh(LINH)	Toan(MAN)	Toan Tc(TUAN)	Toan(TUE)	Cong nghe(HOANG)	Sinh Tc(THUY)
	5	Tieng anh(NGUYET)	Toan(VINH)	Ngu van(N.HANG)	Lich su(DIEU)	Sinh hoc(SI)	Am nhac(P.OANH)	Cong nghe(MIEN)	Toan(HOA)	GDCD(N.QUYEN)	Sinh hoc(THUY)	Tieng anh(LINH)	Toan(MAN)	Cong nghe(HOANG)	Toan Tc(TUE)		Ngu van(H.MINH)
Thứ 7	1	Ngu van(V.HOA)	My thuat(N.DIEM)	Sinh hoc(TRANG)	Lich su(DIEU)	Toan(DIEM)	Tieng anh(CHAM)	Lich su(NGOAN)	Toan(HOA)	Vat ly(HIEU)	Tieng anh(B.HANG)	Ngu van(NHU)	Ngu van(HANH)	Toan(TUAN)	Vat ly(L.PHI)	Hoa hoc(NANG)	Hoa hoc(CHI)
	2	Tieng anh(NGUYET)	Ngu van(NGAN)	Vat ly(H.NHUNG)	Dia ly(NHIEN)	Toan(DIEM)	Toan(GIANG)	My thuat(N.DIEM)	Toan(HOA)	Hoa hoc(THAI)	Ngu van(V.HOA)	Ngu van(NHU)	Ngu van(HANH)	Toan(TUAN)	Toan(TUE)	Hoa hoc(NANG)	GDCD(DAN)
	3	Sinh hoc(TRANG)	Tieng anh(NGUYET)	Tieng anh(B.HANG)	Toan(DIEM)	Lich su(DIEU)	Vat ly(L.HOA)	Toan(HOA)	Ngu van(HANH)	My thuat(N.DIEM)	Ngu van(V.HOA)	Dia ly(LIEU)	Vat ly(H.NHUNG)	Hoa hoc(THAI)	Toan(TUE)	Sinh hoc(PHUC)	Toan(GIANG)
	4	Lich su(NGOAN)	Tieng anh(NGUYET)	Tieng anh(B.HANG)	Toan(DIEM)	Tieng anh(D.TUNG)	Dia ly(NHIEN)	Toan(HOA)	Hoa hoc(THAI)	Ngu van(THU)	Vat ly(H.NHUNG)	Vat ly(HIEU)	Tin hoc(TIN)	Ly Tc(DIEP)	Tieng anh(L.DAN)	Vat ly(L.PHI)	Toan Tc(GIANG)
	5	SHL(TRANG)	SHL(NGAN)	SHL(NGOAN)	SHL(T.HUONG)	SHL(DIEM)	SHL(CHAM)	SHL(THU)	SHL(MIEN)	SHL(HOA)	SHL(V.HOA)	SHL(LINH)	SHL(HANH)	SHL(TUAN)	SHL(TUE)	SHL(NANG)	SHL(GIANG)

		10A	10V	10KC	11T	11L	11H	11S	11A	11V	11KC	12T	12L	12H	12S	12A	12V	12KC
Thứ 2	1	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO	CHAO CO
	2	Tieng anh(LUYEN)	Ngu van(T.HUONG)	Tieng anh(L.DAN)	Hoa hoc(NU)	Hoa hoc(CHI)	Dia ly(LIEU)	Sinh hoc(TRANG)	Lich su(NGOAN)	Hoa hoc(NANG)	GDCD(N.QUYEN)	Toan(HAN)	Toan(TAI)	Toan(TUAN)	Tieng anh(TUNG)	Tieng anh(THI)	Ngu van(TUYEN)	Hoa hoc(DUNG)
	3	Tieng anh(LUYEN)	Van Tc(T.HUONG)	Anh Tc(L.DAN)	Hoa hoc(NU)	Cong nghe(HUY)	Lich su(NGOAN)	Tin hoc(LUOM)	Hoa hoc(NANG)	Sinh hoc(SI)	Hoa hoc(DUNG)	Toan(HAN)	Toan Tc(TAI)	Toan Tc(TUAN)	Dia ly(NHIEN)	Tieng anh(THI)	Ngu van(TUYEN)	Sinh hoc(TRANG)
	4	Dia ly(THANH)	Toan(TRINH)	Toan(TUE)	Toan(HUNG)	Vat ly(DIEP)	Vat ly(L.HOA)	Hoa hoc(DUNG)	Dia ly(LIEU)	Ngu van(BICH)	Ngu van(NHU)	Ngu van(NHI)	Hoa hoc(CHI)	Lich su(NGOAN)	Dia ly(NHIEN)	Tin hoc(LUOM)	Tieng anh(TUNG)	Tieng anh(THI)
	5	Hoa hoc(CHI)	Toan(TRINH)	Toan(TUE)	Toan(HUNG)		Vat ly(L.HOA)	Hoa hoc(DUNG)	Vat ly(MIEN)	Ngu van(BICH)	Sinh hoc(SI)	Ngu van(NHI)	Tieng anh(LUYEN)	Vat ly(DIEP)	Lich su(NGOAN)	Vat ly(L.PHI)	Anh Tc(TUNG)	Tieng anh(THI)
Thứ 3	1	Sinh hoc(PHUC)	Van Tc(NHU)	Tin hoc(LUOM)	Toan Tc(TAI)	TD(DAT)	Tieng anh(NGUYET)	Lich su(LAM)	Ngu van(TUYEN)	GDCD(N.QUYEN)	Toan(VIET)	Hoa hoc(NANG)	Lich su(DIEU)	Hoa hoc(DUNG)	Sinh hoc(H.TU)	Tieng anh(THI)	Dia ly(LIEU)	Toan(HUNG)
	2	Cong nghe(HOANG)	Lich su(LAM)	Ngu van(H.MINH)	Ngu van(TUYEN)	Vat ly(DIEP)	Tieng anh(NGUYET)	Sinh Tc(TRANG)	Anh Tc(TU)	Ngu van(BICH)	Toan(VIET)	Dia ly(THANH)	Toan(TAI)	Hoa hoc(DUNG)	Sinh hoc(H.TU)	Anh Tc(THI)	Hoa hoc(CHI)	Dia ly(NHIEN)
	3	GDCD(DAN)	Toan(TRINH)	Cong nghe(HOANG)	Sinh hoc(THUY)	Hoa hoc(CHI)	Cong nghe(HUY)	Sinh Tc(TRANG)	TD(DAT)	Van Tc(BICH)	Vat ly(K.NHUNG)	Tieng anh(TU)	Toan(TAI)	GDCD(N.QUYEN)	Hoa hoc(HONG)	Toan(TRUNG)	Ngu van(NGAN)	Hoa hoc(DUNG)
	4	Ngu van(H.MINH)	Toan Tc(TRINH)	Lich su(LAM)	Sinh hoc(THUY)	Tieng anh(NGUYET)	Hoa hoc(HONG)	Toan(VINH)	Anh Tc(LE)	Dia ly(LIEU)	Ly Tc(K.NHUNG)	Tieng anh(TU)	Ngu van(NHI)	Tieng anh(H.OANH)	Toan(HUNG)	Toan Tc(TRUNG)	Toan(VIET)	Ngu van(BICH)
	5	Ngu van(H.MINH)	Cong nghe(HOANG)	Vat ly(K.NHUNG)	GDCD(N.QUYEN)	Tieng anh(NGUYET)	Hoa Tc(HONG)	Toan Tc(VINH)	Hoa hoc(NANG)	Tieng anh(LE)	Cong nghe(HUY)	Ngu van(NHI)	Hoa hoc(CHI)	Tieng anh(H.OANH)	Toan(HUNG)	Sinh hoc(SI)	GDCD(DAN)	Ngu van(BICH)
Thứ 4	1	Lich su(LAM)	Sinh hoc(H.TU)	Tin hoc(LUOM)	Vat ly(H.PHI)	Ngu van(H.MINH)	Toan(TAI)	Cong nghe(HUY)	Toan(VIET)	Vat ly(L.HOA)	Dia ly(NHIEN)	Lich su(NGOAN)	Vat ly(H.NHUNG)	Toan(TUAN)	Ngu van(TUYEN)	Tieng anh(HUONG)	Sinh hoc(SI)	Hoa hoc(DUNG)
	2	GDQP(MAI)	Vat ly(MIEN)	Sinh Tc(H.TU)	Ly Tc(H.PHI)	Ngu van(H.MINH)	Toan(TAI)	Cong nghe(HUY)	Toan(VIET)	Ngu van(NHI)	Hoa Tc(DUNG)	Tin hoc(TIN)	Tin hoc(LUOM)	Toan(TUAN)	Ngu van(TUYEN)	Tieng anh(HUONG)	Sinh hoc(SI)	Tieng anh(THI)
	3	Anh Tc(LUYEN)	Cong nghe(HOANG)	GDCD(DAN)	Toan(TAI)	Vat ly(L.HOA)	Ngu van(H.MINH)	Vat ly(MIEN)	GDQP(MAI)	Ngu van(NHI)	Toan Tc(VIET)	Tieng anh(TU)	Dia ly(THANH)	Lich su(NGOAN)	Hoa hoc(HONG)	Toan(TRUNG)	Ngu van(TUYEN)	Anh Tc(THI)
	4	Tieng anh(CHAM)	Ngu van(T.HUONG)	Cong nghe(HOANG)	Toan(TAI)	Sinh hoc(THUY)	Ngu van(H.MINH)	Tieng anh(THI)	Vat ly(MIEN)	Cong nghe(HUY)	Tieng anh(LE)	Anh Tc(TU)	Tieng anh(LUYEN)	Hoa hoc(DUNG)	Hoa hoc(HONG)	Toan(TRUNG)	Toan(VIET)	Lich su(DIEU)
	5	Vat ly(MIEN)	Ngu van(T.HUONG)	Ngu van(H.MINH)	Cong nghe(HUY)	Dia ly(LIEU)		Tin hoc(LUOM)	Sinh hoc(SI)	Lich su(LAM)	Tieng anh(LE)	Dia ly(THANH)	Tieng anh(LUYEN)	Hoa hoc(DUNG)	Sinh hoc(H.TU)	Hoa hoc(HONG)	Toan(VIET)	Vat ly(L.PHI)
Thứ 5	1	Toan(TUE)	Ngu van(NHU)	GDQP(MAI)	Toan Tc(TAI)	TD(DAT)	Cong nghe(HUY)	Toan(VINH)	Ngu van(TUYEN)	Ngu van(NHI)	Tin hoc(TIN)	Toan(TRUNG)	Tieng anh(LUYEN)	Sinh hoc(PHUC)	Lich su(NGOAN)	Sinh hoc(SI)	Toan(VIET)	Toan(HUNG)
	2	Toan(TUE)	Ngu van(NHU)	Lich su(LAM)	GDQP(MAI)	Sinh hoc(THUY)	Ngu van(H.MINH)	Toan(VINH)	TD(DAT)	Van Tc(NHI)	Tin hoc(TIN)	Toan(TRUNG)	Toan(TAI)	Sinh hoc(PHUC)	Vat ly(K.NHUNG)	Lich su(NGOAN)	Ngu van(TUYEN)	Toan(HUNG)
	3	Vat ly(MIEN)	Dia ly(THANH)	Ngu van(H.MINH)	Ngu van(TUYEN)	Cong nghe(HUY)	Sinh hoc(THUY)	Sinh hoc(TRANG)	Tieng anh(TU)	Toan(VIET)	Anh Tc(LE)	Hoa hoc(NANG)	Ngu van(NHI)	Hoa hoc(DUNG)	Vat ly(K.NHUNG)	Ngu van(BICH)	Ngu van(NGAN)	Vat ly(L.PHI)
	4	Lich su(LAM)	Tieng anh(D.TUNG)	Hoa hoc(THAI)	Tieng anh(LE)	Tieng anh(NGUYET)	Sinh hoc(THUY)	Ngu van(H.MINH)	Tieng anh(TU)	Cong nghe(HUY)	Toan(VIET)	GDCD(N.QUYEN)	Ngu van(NHI)	Hoa hoc(DUNG)	Tieng anh(TUNG)	Ngu van(BICH)	Vat ly(K.NHUNG)	Sinh hoc(TRANG)
	5	Anh Tc(CHAM)	Lich su(LAM)	Hoa Tc(THAI)	Tieng anh(LE)	Toan(VIET)	Hoa hoc(NANG)	Ngu van(H.MINH)	Cong nghe(HUY)	SHL(NHI)	Hoa hoc(DUNG)	Sinh hoc(THUY)	Ly Tc(K.NHUNG)	Dia ly(THANH)	Tieng anh(TUNG)	Vat ly(L.PHI)	Hoa hoc(CHI)	Ngu van(BICH)
Thứ 6	1	Cong nghe(HOANG)	GDQP(MAI)	Toan Tc(TUE)	Ngu van(TUYEN)	Ngu van(H.MINH)	Toan(TAI)	GDCD(N.QUYEN)	Sinh hoc(SI)	Vat ly(L.HOA)	Cong nghe(HUY)	Toan(TRUNG)	Dia ly(THANH)	Ngu van(NGAN)	Toan(HUNG)	Tieng anh(HUONG)	Toan(VIET)	Dia ly(NHIEN)
	2	Toan Tc(TUE)	Ngu van(NHU)	Vat ly(K.NHUNG)	Cong nghe(HUY)	Ly Tc(L.HOA)	Toan Tc(TAI)	GDQP(MAI)	Ngu van(TUYEN)	Toan(VIET)	Sinh hoc(SI)	Toan Tc(TRUNG)	Lich su(DIEU)	Ngu van(NGAN)	Toan Tc(HUNG)	Dia ly(LIEU)	Tieng anh(TUNG)	Ngu van(BICH)
	3	Ngu van(H.MINH)	Van Tc(NHU)	Ly Tc(K.NHUNG)	Toan(TAI)	GDCD(N.QUYEN)	GDQP(MAI)	Vat ly(MIEN)	Cong nghe(HUY)	Toan(VIET)	Tieng anh(LE)	Sinh hoc(THUY)	Sinh hoc(PHUC)	Tieng anh(H.OANH)	Hoa hoc(HONG)	Ngu van(BICH)	Dia ly(LIEU)	Lich su(DIEU)
	4	Tieng anh(TUNG)	Vat ly(MIEN)	Dia ly(THANH)	Toan Tc(TAI)	Toan(VIET)	Hoa Tc(HONG)	Ngu van(H.MINH)	Tieng anh(LE)	Sinh hoc(SI)	Vat ly(K.NHUNG)	Vat ly(HANG)	Vat ly(H.NHUNG)	Tieng anh(H.OANH)	Ngu van(TUYEN)	Toan(TRUNG)	Ngu van(NGAN)	Toan(HUNG)
	5	Tieng anh(TUNG)	GDCD(DAN)	Sinh hoc(H.TU)	Vat ly(H.PHI)	Toan(VIET)	Hoa Tc(HONG)		Tieng anh(LE)	Van Tc(BICH)		Vat ly(HANG)	Vat ly(K.NHUNG)	Dia ly(THANH)	Ngu van(TUYEN)	Toan(TRUNG)	Ngu van(NGAN)	Toan Tc(HUNG)
Thứ 7	1	Toan(TUE)	Tieng anh(D.TUNG)	Hoa hoc(THAI)	Toan(HUNG)	Vat ly(L.HOA)	Tieng anh(NGUYET)	Dia ly(LIEU)	GDCD(N.QUYEN)	Toan Tc(VIET)	GDQP(MAI)	Tin hoc(TIN)	Vat ly(H.NHUNG)	Ngu van(NGAN)	GDCD(DAN)	Hoa hoc(HONG)	Tieng anh(TUNG)	Dia ly(NHIEN)
	2	Hoa hoc(CHI)	Tieng anh(D.TUNG)	Tieng anh(L.DAN)	Lich su(DIEU)	Vat ly(L.HOA)	Hoa hoc(HONG)	Sinh Tc(TRANG)	Toan(VIET)	GDQP(MAI)	Lich su(NGOAN)	Vat ly(HANG)	GDCD(N.QUYEN)	Vat ly(DIEP)	Tin hoc(TIN)	Dia ly(LIEU)	Tieng anh(TUNG)	Toan(HUNG)
	3	Tieng anh(CHAM)	Hoa hoc(CHI)	Tieng anh(L.DAN)	Tieng anh(LE)	GDQP(MAI)	Hoa hoc(HONG)	Tieng anh(THI)	Tieng anh(H.OANH)	Hoa hoc(NANG)	Ngu van(NHU)	Vat ly(HANG)	Vat ly(K.NHUNG)	Toan(TUAN)	Tin hoc(TIN)	Vat ly(L.PHI)	Lich su(NGOAN)	GDCD(DAN)
	4	Anh Tc(TUNG)	Hoa hoc(CHI)	Toan(TUE)	Dia ly(LIEU)	Lich su(DIEU)	GDCD(N.QUYEN)	Tieng anh(THI)	Tieng anh(H.OANH)	Tieng anh(LE)	Ngu van(NHU)	Hoa hoc(NANG)	Sinh hoc(PHUC)	Toan(TUAN)	Vat ly(K.NHUNG)	GDCD(DAN)	Toan Tc(VIET)	Sinh hoc(TRANG)
	5	SHL(LUYEN)	SHL(NHU)	SHL(THAI)	SHL(DIEU)	SHL(DIEP)	SHL(HONG)	SHL(THI)	SHL(N.QUYEN)	Tieng anh(LE)	SHL(NHIEN)	SHL(HANG)	SHL(H.NHUNG)	SHL(H.OANH)	SHL(TIN)	SHL(LIEU)	SHL(TUYEN)	SHL(L.PHI)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẠC LIÊU

TRƯỜNG THPT CHUYÊN

THỜI KHÓA BIỂU HKI NĂM HỌC 2018-2019 *(Buổi chiều)*

(Áp dụng từ ngày 11/2/2019)

		6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	8.3	9.1	9.2	9.3
Thứ 2	1	Toan(DIEM)	Tieng anh(NGUYET)	Toan(VINH)	Ngu van(HANH)	Tieng anh(D.TUNG)	Toan(GIANG)	Hoa hoc(THAI)	Toan(MAN)	Dia ly(NHIEN)	Vat ly(H.NHUNG)	Hoa hoc(NU)	Ngu van(V.HOA)
	2	Toan(DIEM)	Ngu van(N.HANG)	Toan(VINH)	Ngu van(HANH)	Tieng anh(D.TUNG)	Toan(GIANG)	Hoa hoc(THAI)	Toan(MAN)	Lich su(NGOAN)	Vat ly(H.NHUNG)	Hoa hoc(NU)	Ngu van(V.HOA)
	3	Tieng anh(NGUYET)	Ngu van(N.HANG)			Ngu van(HANH)					Toan(MAN)		
	4												
Thứ 3	1												
	2												
	3												
	4												
Thứ 4	1	Ngu van(V.HOA)	Toan(VINH)	Ngu van(N.HANG)	Toan(DIEM)	Ngu van(HANH)	Ngu van(THU)	Vat ly(HIEU)	Sinh hoc(H.TU)	Tieng anh(LINH)	Toan(MAN)	Vat ly(L.Hoa)	Dia ly(LIEU)
	2	Ngu van(V.HOA)	Toan(VINH)	Ngu van(N.HANG)	Toan(DIEM)	Ngu van(HANH)	Ngu van(THU)	Vat ly(HIEU)	Vat ly(H.PHI)	Tieng anh(LINH)	Toan(MAN)	Vat ly(L.Hoa)	Lich su(DIEU)
	3			Tieng anh(B.HANG)	Ngu van(Huong)			Sinh hoc(H.TU)	Vat ly(H.PHI)	Ngu van(THU)		Toan(MAN)	Ngu van(V.HOA)
	4												
Thứ 5	1												
	2												
	3												
	4												
Thứ 6	1				Tieng anh(D.TUNG)	Toan(DIEM)	Anh(CHAM)	Toan(HOA)	Hoa hoc(THAI)	Ngu van(THU)	Sinh hoc(THUY)	Toan(MAN)	Tieng anh(B.HANG)
	2				Tieng anh(D.TUNG)	Toan(DIEM)	Anh(CHAM)	Toan(HOA)	Hoa hoc(THAI)	Ngu van(THU)	Hoa hoc(NU)	Toan(MAN)	Tieng anh(B.HANG)
	3						Ngu van(THU)	Toan(HOA)	Toan(MAN)		Hoa hoc(NU)	Sinh hoc(THUY)	
	4												
Thứ 7	1												
	2												
	3												
	4												

		10T	10L	10H	10S	10A	10V	10KC	11T	11L	11H	11S	11A	11V
Thứ 2	1	TD(DINH)		TD(DAT)	Tin hoc(LUOM)					Tin (Tín)				
	2	TD(DINH)		TD(DAT)	Tin hoc(LUOM)					Tin (Tín)				
	3		Tin(Tín)			Tin hoc(LUOM)	TD(DINH)				TD(TIEN)			TD(DAT)
	4		Tin(Tín)			Tin hoc(LUOM)	TD(DINH)				TD(TIEN)			TD(DAT)
Thứ 3	1													
	2													
	3													
	4													
Thứ 4	1			Tin hoc(LUOM)	Sinh Tc (SI) (Tuần chẵn)	TD(DAT)	Tin(Tín)			Ly Tc(DIEP)		TD(TIEN)	Tin (Quyên)	
	2			Tin hoc(LUOM)		TD(DAT)	Tin(Tín)			Ly Tc(DIEP)		TD(TIEN)	Tin (Quyên)	
	3	Tin hoc(LUOM)							TD(DAT)					
	4	Tin hoc(LUOM)							TD(DAT)					
Thứ 5	1													
	2													
	3													
	4													
Thứ 6	1		TD(MINH)						Tin (Quyên)		Tin hoc(LUOM)		Anh Tc(H.OANH)	
	2		TD(MINH)						Tin (Quyên)		Tin hoc(LUOM)		Anh Tc(H.OANH)	
	3							TD(MINH)						Tin (Quyên)
	4							TD(MINH)						Tin (Quyên)
Thứ 7	1													
	2													
	3													
	4													

		11KC	12T	12L	12H	12S	12A	12V	12KC	Thời gian
Thứ 2	1	TD(TIEN)	TIN(TÍN)		Anh (Oanh) - Tuần lẻ VAN (NGAN) - Tuần chẵn	Anh (Tùng)		Ngu van(TUYEN)	TD(MINH)	14h00 - 14h45
	2	TD(TIEN)	TIN(TÍN)			Anh (Tùng)		Van Tc(TUYEN)	TD(MINH)	14h50 - 15h35
	3						TD(MINH)			15h45 - 16h30
	4						TD(MINH)			16h20 - 17h15
Thứ 3	1		Sinh(THUY) - Tuần lẻ	Sinh Tc(PHUC) - Tuần lẻ VAN (Nhi) - Tuần chẵn	Tin (Quyên)	TIN(TÍN)	Tin(Lượm)		Ngu van(BICH)	14h00 - 14h45
	2				Tin (Quyên)	TIN(TÍN)	Tin(Lượm)		Ngu van(BICH)	14h50 - 15h35
	3		Van(NHI)	Tin(Lượm)	GDCD(Quyến)			Tin (Quyên)		15h45 - 16h30
	4			Tin(Lượm)				Tin (Quyên)		16h20 - 17h15
Thứ 4	1		Địa (Thanh)		Sinh Tc(PHUC) - Tuần lẻ		Sinh Tc(SI) - Tuần lẻ	TD(MINH)		14h00 - 14h45
	2		TD(DINH)	Địa (Thanh)		GDCD (Dân)		TD(MINH)		14h50 - 15h35
	3		TD(DINH)	Địa (Thanh)	Ly(DIEP) - Tuần chẵn	TD(MINH)	GDCD (Dân)		Tin (Quyên)	15h45 - 16h30
	4					TD(MINH)			Tin (Quyên)	16h20 - 17h15
Thứ 5	1									14h00 - 14h45
	2									14h50 - 15h35
	3									15h45 - 16h30
	4									16h20 - 17h15
Thứ 6	1		Hóa (Năng)		TD(DINH)	Anh (Tùng)	Hóa Tc (Hồng)	Địa (Liễu)	GDCD (Dân)	14h00 - 14h45
	2		Hóa Tc (Năng)	GDCD(Quyến)	TD(DINH)	Anh (Tùng)	Hóa Tc (Hồng)	Địa Tc(Liễu)	Lý (Phi)	14h50 - 15h35
	3		GDCD(Quyến)	TD(DINH)			Tin(LUOM)	GDCD (Dân)	Lý Tc (Phi)	15h45 - 16h30
	4			TD(DINH)						16h20 - 17h15
Thứ 7	1									14h00 - 14h45
	2									14h50 - 15h35
	3									15h45 - 16h30
	4									16h20 - 17h15

TKB từ ngày 11/2/2019

GIÁO VIÊN	BUỔI	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
DO THANH HAN	Sáng		12T	12T																											
TRUONG CONG PHUC	Sáng						10A	10T									12H	12H						12L					10H	12L	
PHAM THI HOAI HUONG	Sáng											12A	12A									12A									
LE QUANG TRUNG	Sáng				9.1	9.1			12A	12A				12A	12A		12T	12T		9.1	9.1	12T	12T		12A	12A					
DINH VAN TAI	Sáng		12L	12L			11T	12L	12L			11H	11H	11T	11T		11T	12L				11H	11H	11T	11T						
TRAN TRONG TUE	Sáng		10H	10H	10KC	10KC											10A	10A		10H	10H	10KC	10A		10L	10L	10A	10L	10L	10KC	10L
LA MY TRINH	Sáng				10V	10V			10V	10V	10T				10T	10T			10T	10T											
LE THANH HUNG	Sáng				11T	11T	12KC			12S	12S						12KC	12KC				12S	12S		12KC	12KC	11T	12KC			
DU QUOC TUAN	Sáng		12H	12H								12H	12H											10T	10T		10T	10T	12H	12H	10T
TRAN NGOC VINH	Sáng		6.2	6.3						11S	11S	6.2	6.2	6.3	6.3		11S	11S					6.3	6.3	6.2	6.2					11S
THAN THI GIANG	Sáng		7.3	7.3	6.1	6.1									6.1	6.1	10S	10S				6.1	7.3	7.3				7.3	10S	10S	10S
PHAN VAN VIET	Sáng						11KC	11KC		12V		11A	11A	11KC	12V	12V	12V		11V	11KC	11L	12V	11V	11V	11L	11L	11V	11A		12V	
TRAN MINH MAN	Sáng		9.3	9.3	9.2	9.2																	9.2	9.2	9.3	9.3					
HUYNH THI KIEU MY	Sáng																														
NGUYEN NHU HOA	Sáng			8.3	8.3							8.3	8.3				8.1	8.1							8.2	8.2	8.2	8.2	8.1	8.1	8.3
MAI NGUYEN THUY DIEM	Sáng				7.2	7.2											7.1	7.1	7.2			7.1					7.2	7.2	7.1	7.1	7.2
HO THI HANG	Sáng								10L												10L	10L	10L		12T	12T		12T	12T		12T
HUYNH C.D.LE HOA	Sáng				11H	11H						11V	7.2	11L								11V	11L	7.1			11L	11L	7.3		
TRUONG NGOC DIEP	Sáng				11L	12H		11L	10T												10T							12H		10T	11L
QUAN THI KIM NHUNG	Sáng								11KC	11KC	10KC							12S	12S	12V	12L		10KC	10KC	11KC	12L			12L	12S	
MAI HOANG LINH PHI	Sáng		10L	10L	10H	12A								10L		12KC			12KC		12A						10L		12A	10H	12KC
PHAM THI HONG NHUNG	Sáng											12L	9.1	9.3									6.2	6.1	12L		12L	6.3	9.3	9.1	12L
TRUONG HONG PHI	Sáng											11T	11T													11T					
TRAN KIM HUY	Sáng			11L					11H		11KC	11S	11S		11V	11T	11H		11L	11V	11A	11KC	11T	11A							
VO THI HONG MIEN	Sáng				8.2	11A			8.1	8.3	8.3		10V	11S	11A	10A		8.2	10A	10S	10S			11S	10V	8.1					8.2
LE VAN HIEU	Sáng								9.2	9.1	9.3						9.1	9.2		8.1	8.2	9.2	9.3				8.3			9.2	
TRAN THI THUY DUNG	Sáng		12KC	11KC	11S	11S	12H	12H	12KC			12KC	11KC		12H	12H			12H	12H	11KC										
NGUYEN THANH NANG	Sáng		11V	11A			12T	10H			11A								12T		11H						10H	10H	11V	12T	10H
LUONG THI PHUONG HONG	Sáng								12S	11H	11H			12S	12S	12A								12S	11H	11H	12A	11H	11H		11H
PHAN TUYET NU	Sáng		11T	11T		10H				9.3	9.2			9.2	9.3	9.1						10H	10H	9.1							
BUI THANH THAI	Sáng												8.1	10T		8.2	8.3		8.1	10KC	10KC						10KC	8.3	10T	8.2	10KC
TRAN MINH CHI	Sáng		11L		12L	10A	10S	12V	11L		12L								10L	10L	12V						10S	10A	10V	10V	
NGUYEN TUAN VU	Sáng																														
LY PHUONG OANH	Sáng											6.3	6.1		8.3	7.1	6.2					8.2	8.1		7.2	7.3					
TRAN NGOC DIEM	Sáng													6.1	8.2	6.3											6.2	8.1	8.3		
CHAU OANH KIEU	Sáng						7.3		7.1	7.2																					
HO THI LE THUY	Sáng						9.2		11T	11T	10S	9.1	9.2	10S	11L	9.3		11L	11H	11H	12T	9.3		12T	10S	9.1					
TRAN THU TRANG	Sáng		11S	12KC	6.2	6.3	6.2	11S	11S										11S	12KC	6.1						6.3	11S	6.1	12KC	6.1
HUYNH THI CAM TU	Sáng						12S	12S		10L	8.1	10V	10KC	8.2		12S					8.3	8.1		8.2	8.3	10KC					
NGUYEN TIEN SI	Sáng		7.1	11V	10S	11KC		7.1		10S	12A	12V	12V	7.2		11A	12A			7.3	7.3	11A	11KC		11V	7.2					
DANG HOANG LAN	Sáng		6.1	6.2								6.1	6.3	6.2								6.3									
LY TRAN PHUONG LINH	Sáng											7.2		7.3	7.1								7.1	7.2	7.3						
LUONG HONG HOANG	Sáng						10L	10A	10KC	10T	10V	10H	10S	10V	10KC	10L						10A		10S	10H	10T					
NGUYEN CHANH TIN	Sáng											9.3	12T	9.1	9.2		11KC	11KC	9.1		9.2						12T	12S	12S	9.3	12S
QUACH VAN LUOM	Sáng		8.3	11S	12A	8.2	10KC	8.3	8.2	8.1		10KC	12L	8.1		11S															
TRAN LE QUYEN	Sáng						7.2	6.1	6.2	7.1	6.3			7.1	7.3	6.2	7.2	7.3		6.1	6.3										
HO HOANG DINH	Sáng						9.1	9.2	9.3								9.3	9.1	9.2												
DUONG TIEN DAT	Sáng						11L	10S	11A								11L	11A	10S												
TRINH THI HONG MAI	Sáng						10T	10L	10H			10S	10A	11A			10KC	11T				10V	11S	11H			11KC	11V	11L		
BUI CHAU TIEN	Sáng						7.1	7.2	7.3			8.1	8.2	8.3			7.3	7.2	7.1			8.3	8.2	8.1							
PHAN SON MINH	Sáng						6.1	6.2	6.3								6.3	6.2	6.1												
TRAN NGOC BICH	Sáng				11V	11V		11V	11V	12KC	12KC								12A	12A	12KC		12KC	12A		11V					
TRAN THI PHUONG	Sáng																														
DINH THI TUYEN	Sáng		12V	12V			11A	11T				12S	12S	12V			11A	12V	11T			11T	11A		12S	12S					12V

GIÁO VIÊN	BUỔI	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
NGUYEN THI THUY NGAN	*Sáng*								12V	6.2	6.2								12V	6.2	6.2	12H	12H		12V	12V	12H	6.2			6.2
NGUYEN HONG MINH	*Sáng*					10S		10KC	10S	10A	10A	11L	11L	11H	11H	10KC		11H	10KC	11S	11S	11L		10A	11S	10S					
HUYNH THI TUYET NHI	*Sáng*				12T	12T	10H			12L	12T		11V	11V	10H	10H	11V	11V	12L	12L	11V										
LE THI TU NHU	*Sáng*		9.2	9.2	11KC		10V										10V	10V		9.2			10V	10V			9.2	9.2	11KC	11KC	10V
NGUYEN THI NGOC HANG	*Sáng*			10T	6.3		6.3	6.3									10T	10T							6.3	6.3					
DINH THI VIET HOA	*Sáng*		9.1	9.1				9.1		6.1	6.1						6.1	6.1									6.1	9.1	9.1		9.1
VO THI MAI HANH	*Sáng*		7.2	7.2	9.3		8.2	8.2			7.2						8.2	9.3	9.3	7.2							9.3	9.3	8.2		9.3
NGUYEN THI MONG THU	*Sáng*		8.1	8.1	7.3	7.3	8.3	8.1		7.3	7.3								8.3	8.3	8.1									8.3	8.1
NGUYEN VIET THU HUONG	*Sáng*		10V	10V	7.1	7.1						10L			10V	10V	10L	10L		7.1	7.1										7.1
VU CONG DAN	*Sáng*						9.3		10A	6.3	12V	10T	10H	10KC	10L	9.2						6.2	6.1		9.1	10V	12S	10S	12KC	12A	
NGUYEN NGOC QUYEN	*Sáng*		11KC	7.1			11V		12H	8.2	11T								7.3	12T	7.2	11S		11L	8.1	8.3	11A	12L		11H	11A
HUYNH QUANG LAM	*Sáng*		10S	10S	10T	10T	11S	10V		10KC	10L	10A	10L	10H		11V	10H	10KC		10A	10V										
LE NGUYEN NGOC DIEU	*Sáng*						12L	7.3	9.1	9.2			9.3		12KC	7.2						7.3	12L	12KC		7.1	7.1	11T	7.2	11L	11T
TRAN THI NGOAN	*Sáng*		11A	11H	12H	12S						12T		12H	6.2	8.3	12S	12A	8.2	6.3							8.1	11KC	12V	6.1	6.3
LE VIET THANH	*Sáng*		6.3	6.1	10A	6.2		12T	8.3	10H	8.2			12L	10S	12T		8.3	10V	8.2	12H	12L		10L	10KC	12H					
TRIEU THUY LIEU	*Sáng*		11H		11A	9.3	12V	9.3		11V	9.1	9.2	10T		9.1	11L							12A	12V			11S	12A	9.2	11T	12A
VO TU NHIEN	*Sáng*			12S	12S	8.1	8.1	12KC	7.2		7.1	11KC			7.2	7.3						12KC					12KC	7.1		7.3	11KC
LE HONG CAM TU	*Sáng*							11A	12T	12T				12T	12T	10S			11A	11A		10S	10S								
NGUYEN KIM LUYEN	*Sáng*		10A	10A		12L								10A	12L	12L	12L														10A
NGO TU THI	*Sáng*		12A	12A	12KC	12KC	12A	12A					12KC	12KC	11S														11S	11S	11S
TRAN HOANG OANH	*Sáng*		10T							12H	12H											10T	10T	12H	12H				11A	11A	12H
PHAM TRUONG THANH TUNG	*Sáng*		12S		12V	12V														12S	12S		12V		10A	10A	12V	12V		10A	
GIANG THI THU LE	*Sáng*									11A	11V				11KC	11KC			11KC	11T	11T			11KC	11A	11A			11T	11V	11V
LY BICH HANG	*Sáng*																	6.3	6.3	9.3	9.3	9.1	9.1	9.3			9.1		6.3	6.3	
DO THI CHAM	*Sáng*											7.3	7.3		10A						10A						7.3		10A		7.3
VAN THIEU LINH	*Sáng*		8.2	8.2	8.1	8.3						8.2			8.1	8.1	9.2						8.3	8.3	9.2	9.2					9.2
NGUYEN THI MINH NGUYET	*Sáng*						11H	11H	6.1	11L	11L								6.2	11L				6.2	6.1	6.1	11H	6.1	6.2	6.2	
NGUYEN THI LAM DAN	*Sáng*		10KC	10KC	10L	10L																						10KC	10KC	10L	
NGUYEN DINH TUNG	*Sáng*											7.1	7.1					10H	10H	10V		7.2	7.2	10H	7.1		10V	10V		7.2	